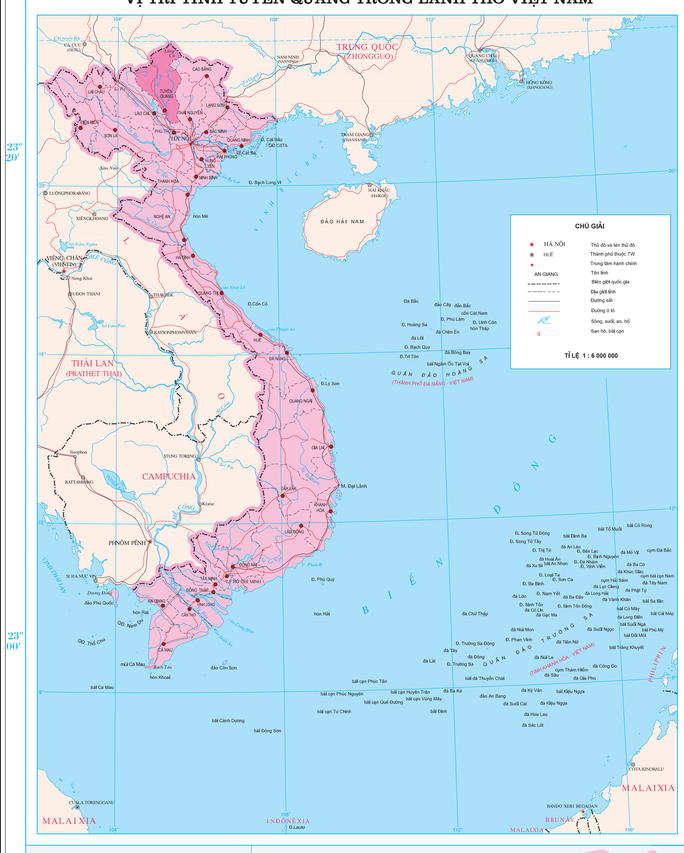
BẢN ĐỒ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH TUYÊN QUANG





DIỆN TÍCH DÂN SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH

STT	TÊN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km²)	DÂN SỐ (Người)	STT	TÊN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km²)	DÂN SỐ (Người)	STT	TÊN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km²)	DÂN SỐ (Người)
1	Xã Lũng Cú	95,20	15 115	45	Xã Tân Quang	174,14	12 425	89	Xã Kiên Đài	130,82	9 351
2	Xã Đồng Văn	122,49	26 015	46	Xã Đồng Tâm	156,97	10 629	90	Xã Tri Phú	170,26	8 686
3	Xã Sà Phìn	83,50	16 816	47	Xã Liên Hiệp	166,67	10 566	91	Xã Kim Bình	92,09	16 873
4	Xã Phố Bảng	77,71	15 593	48	Xã Bằng Hành	151,72	16 560	92	Xã Yên Nguyên	97,36	16 024
5	Xã Lũng Phìn	69,46	16 476	49	Xã Bắc Quang	141,93	33 644	93	Xã Hùng Đức	63,63	10 368
6	Xã Sùng Máng	76,15	12 568	50	Xã Hùng An	118,57	17 224	94	Xã Yên Phú	222,57	14 890
7	Xã Sơn Vĩ	110,62	19 975	51	Xã Vĩnh Tuy	115,85	12 054	95	Xã Bạch Xa	127,41	15 309
8	Xã Mèo Vạc	92,21	19 675	52	Xã Đồng Yên	79,36	18 326	96	Xã Phù Lưu	120,45	16 154
9	Xã Khâu Vai	107,46	22 755	53	Xã Tiên Yên	97,18	14 241	97	Xã Hàm Yên	126,19	29 508
10	Xã Niêm Sơn	81,73	12 255	54	Xã Xuân Giang	86,06	9 234	98	Xã Bình Xa	91,17	17 998
11	Xã Tát Ngà	90,60	7 765	55	Xã Bằng Lang	115,66	12 167	99	Xã Thái Sơn	93,54	16 385
12	Xã Thắng Mố	67,71	16 397	56	Xã Yên Thành	78,59	5 748	100	Xã Thái Hòa	55,60	18 289
13	Xã Bạch Đích	95,17	12 747	57	Xã Quang Bình	130,14	10 635	101	Xã Kiến Thiết	109,48	6 783
14	Xã Yên Minh	154,70	26 556	58	Xã Tân Trịnh	114,75	10 780	102	Xã Hùng Lợi	168,93	10 882
15	Xã Mậu Duệ	163,31	19 005	59	Xã Tiên Nguyên	90,13	5 027	103	Xã Trung Sơn	134,29	10 952
16	Xã Ngọc Long	84,26	9 989	60	Xã Thông Nguyên	108,70	6 255	104	Xã Thái Bình	102,59	13 803
17	Xã Du Già	126,94	15 829	61	Xã Hồ Thầu	136,83	8 709	105	Xã Tân Long	95,32	10 976
18	Xã Lũng Hồ	103,25	14 376	62	Xã Nậm Dịch	97,78	8 540	106	Xã Xuân Vân	104,25	19 020
19	Xã Lũng Tám	124,14	10 971	63	Xã Tân Tiến	84,40	10 385	107	Xã Lực Hành	87,97	11 022
20	Xã Cán Tỷ	85,13	9 824	64	Xã Hoàng Su Phì	59,74	13 104	108	Xã Yên Sơn	117,92	31 560
21	Xã Nghĩa Thuận	80,12	9 900	65	Xã Thàng Tín	70,78	7 638	109	Xã Như Khê	59,04	21 799
22	Xã Quản Bạ	102,87	18 436	66	Xã Bản Máy	76,17	9 792	110	Phường Mỹ Lâm	80,20	31 446
23	Xã Tùng Vài	149,98	11 221	67	Xã Pờ Ly Ngài	76,25	8 780	111	Phường Minh Xuân	34,90	72 000
24	Xã Yên Cường	116,90	9 741	68	Xã Xín Mần	125,24	19 596	112	Phường Nông Tiến	26,99	15 393
25	Xã Phú Nam	135,42	11 645	69	Xã Pà Vầy Sủ	83,30	15 806	113	Phường An Tường	53,44	42 952
26	Xã Bắc Mê	154,30	13 043	70	Xã Nấm Dẩn	86,11	11 929	114	Phường Bình Thuận	46,34	18 626
27	Xã Giáp Trung	73,21	6 220	71	Xã Trung Thịnh	72,11	12 277	115	Xã Tân Trào	98,57	14 911
28	Xã Minh Sơn	146,96	7 737	72	Xã Quảng Nguyên	99,48	5,949	116	Xã Minh Thanh	78,57	13 453
29	Xã Minh Ngọc	151,34	7 878	73	Xã Khuôn Lùng	120,28	8 016	117	Xã Sơn Dương	123,17	41 954
30	Xã Ngọc Đường	98,07	7 858	74	Xã Thượng Lâm	277,16	9 886	118	Xã Bình Ca	69,48	24 339
31	Phường Hà Giang 1	82,69	21 652	75	Xã Lâm Bình	327,65	12 399	119	Xã Tân Thanh	114,42	18 856
32	Phường Hà Giang 2	60,62	33 100	76	Xã Minh Quang	191,34	20 122	120	Xã Sơn Thủy	76,13	28 259
33	Xã Lao Chải	98,87	4 568	77	Xã Bình An	121,40	10 225	121	Xã Phú Lương	85,65	27 300
34	Xã Thanh Thủy	101,77	6 394	78	Xã Côn Lôn	160,76	5 734	122	Xã Trường Sinh	53,36	17 615
35	Xã Minh Tân	105,70	7 485	79	Xã Yên Hoa	143,83	7 323	123	Xã Hồng Sơn	44,22	19 417
36	Xã Thuận Hòa	108,40	7 915	80	Xã Thượng Nông	79,83	7 204	124	Xã Đông Thọ	74,86	18 085
37	Xã Tùng Bá	120,49	8 225	81	Xã Hồng Thái	222,59	11 296				
38	Xã Phú Linh	112,37	12 270	82	Xã Nà Hang	256,53	17 364				
39	Xã Linh Hồ	181,44	21 725	83	Xã Trung Hà	103,18	8 303		TỈNH TUYÊN QUANG	13 795,52	1 865 270
40	Xã Bạch Ngọc	184,51	9 660	84	Xã Tân Mỹ	137,31	15 201				
41	Xã Vị Xuyên	80,44	23 898	85	Xã Yên Lập	103,59	10 280				
42	Xã Việt Lâm	92,66	6 419	86	Xã Tân An	133,27	11 075				
43	Xã Cao Bồ	111,18	4 211	87	Xã Chiêm Hóa	111,65	30 329				
44	Xã Thượng Sơn	142,60	6 144	88	Xã Hòa An	66,71	13 208				

- Số liệu diện tích tự nhiên, số liệu dân số các đơn vị hành chính theo số liệu báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang cung cấp đến ngày 31/12/2024.

Cơ quan thành lập: SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG

Thiết kế biên tập và in tại: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG GIS - NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ : 85 NGUYỄN CHÍ THANH - GIẢNG VÕ - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : (024) 37736980 FAX: (024) 37736980
WEBSITE : WWW.BANDO.COM.VN

TỶ LỆ 1:180 000

Bản đồ này được biên tập trên cơ sở phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Tuyên Quang năm 2025 đã được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang